

Biểu 03 - THCS-ĐN

Ban hành theo Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT

Ngày 29/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

BÁO CÁO THÔNG KÊ GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Kỳ đầu năm học: 2024-2025

Đơn vị báo cáo:

THCS Cầu Kiệu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Công lập	Tư thực
	A	B	C	1	2	3
I.	Trường	trường	01			
1.1.	Trường trung học cơ sở	trường	02	1	1	
	Chia ra theo vùng:					
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	trường	03	1	1	
	+ Trường có từ 40 lớp trở lên	trường	04			
	+ Trường có từ 28 lớp đến 39 lớp	trường	05	1	1	
	+ Trường có từ 27 lớp trở xuống	trường	06			
	- Miền núi, vùng sâu, hải đảo	trường	07			
	+ Trường có từ 19 lớp trở lên	trường	08			
	+ Trường có từ 18 lớp trở xuống	trường	09			
	Trong đó:					
	- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	trường	10			
	- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	trường	11			
	- Trường phổ thông dân tộc bán trú cấp trung học cơ sở	trường	12			
	- Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện	trường	13			
	- Trường chuyên biệt dành cho người khuyết tật	trường	14			
	- Trường có dưới 20 học sinh khuyết tật học hòa nhập	trường	15	1	1	
	- Trường có từ 20 học sinh khuyết tật trở lên học hòa nhập	trường	16			
	- Trường có tổ chức học trực tuyến	trường	17	1	1	
	- Trường có sử dụng máy tính cho dạy học	trường	18	1	1	
	- Trường có khai thác Internet cho dạy học	trường	19	1	1	
	- Trường có điện (điện lưới)	trường	20	1	1	
	- Trường có nguồn nước sạch	trường	21	1	1	
	- Trường có nước uống	trường	22	1	1	
	- Trường có công trình vệ sinh	trường	23	1	1	
	- Trường có chương trình giáo dục đôi tay	trường	24	1	1	
	- Trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV.	trường	25	1	1	

	A	B	C	1	2	3
I.	Trường	trường	01			
	- Trường có cơ sở hạ tầng, tài liệu học tập, môi trường học tập phù hợp và tiếp cận với học sinh khuyết tật	trường	26	1	1	
	- Trường có bộ phận làm công tác tư vấn học đường	trường	27	1	1	
	- Trường có kế hoạch giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	trường	28	1	1	
1.2.	Trường tiểu học và trung học cơ sở	trường	29			
	Chia ra theo vùng:					
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	trường	30			
	+ Trường có từ 40 lớp trở lên	trường	31			
	+ Trường có từ 28 lớp đến 39 lớp	trường	32			
	+ Trường có từ 27 lớp trở xuống	trường	33			
	- Miền núi, vùng sâu, hải đảo	trường	34			
	+ Trường có từ 19 lớp trở lên	trường	35			
	+ Trường có từ 18 lớp trở xuống	trường	36			
	Trong đó:					
	- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	trường	37			
	- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	trường	38			
	- Trường chuyên biệt dành cho người khuyết tật	trường	39			
	- Trường có dưới 20 học sinh khuyết tật học hòa nhập	trường	40			
	- Trường có từ 20 học sinh khuyết tật trở lên học hòa nhập	trường	41			
	- Trường có tổ chức học trực tuyến	trường	42			
	- Trường có sử dụng máy tính cho dạy học	trường	43			
	- Trường có khai thác Internet cho dạy học	trường	44			
	- Trường có điện (điện lưới)	trường	45			
	- Trường có nguồn nước sạch	trường	46			
	- Trường có nước uống	trường	47			
	- Trường có công trình vệ sinh	trường	48			
	- Trường có chương trình giáo dục đôi tay	trường	49			
	- Trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV.	trường	50			
	- Trường có cơ sở hạ tầng, tài liệu học tập, môi trường học tập phù hợp và	trường	51			
	- Trường có bộ phận làm công tác tư vấn học đường	trường	52			
	- Trường có kế hoạch giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí	trường	53			
II.	Lớp	lớp	54	32	32	
	Chia ra:					
	- Lớp 6	lớp	55	9	9	
	- Lớp 7	lớp	56	11	11	

	A	B	C	1	2	3
I.	Trường	trường	01			
	- Lớp 8	lớp	57	7	7	
	- Lớp 9		58	5	5	
	Trong đó	lớp				
	- Lớp học 2 buổi/ngày	lớp	59	32	32	
	- Lớp học bán trú trong trường PTDT bán trú	lớp	60			
	- Lớp học trong trường PTDT nội trú huyện	lớp	61			
	- Lớp học trong trường chuyên biệt dành cho người khuyết tật	lớp	62			
	- Lớp ghép	lớp	63			